

THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA ĐỊA PHƯƠNG NAM BỘ, HỘI NHẬP QUỐC TẾ

● Nguyễn Văn Kha

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Bài viết khảo sát thực trạng đào tạo, nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn dựa trên những số liệu thống kê đi đến kết luận và giải pháp: 1. Thực trạng đào tạo khoa học xã hội và nhân văn sa sút trong dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông, ở đại học ngành Việt Nam học ít người học, hoặc đào tạo không đúng mã ngành. Trong nghiên cứu, các công trình nghiên cứu công bố quốc tế trên tạp chí có uy tín khoa học và chỉ số ảnh hưởng cao chiếm tỉ lệ thấp, chưa có một nhà nghiên cứu có tầm cỡ quốc tế. 2. Sự sa sút chất lượng trong đào tạo, tụt hậu trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn đã dẫn đến sự khuyết hãm về tri thức khoa học xã hội và nhân văn của thế hệ trẻ được đào tạo trong nhà trường, hạn chế việc quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam trên thế giới. 3. Nhà nước và chính quyền địa phương cần có chính sách mang tính đột phá để “chấn hưng giảng dạy” môn Lịch sử, “xã hội hóa” môn Ngữ Văn trong nhà trường phổ thông, khuyến khích việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

Từ khóa: khoa học xã hội và nhân văn, chấn hưng, xã hội hóa

CURRENT STATUS OF TRAINING AND RESEARCH I N THE FIELD OF SOCIAL SCIENCE AND HUMANITIES MEETING NATIONAL AND INTERNATIONAL REQUIREMENTS

● Nguyen Van Kha

ABSTRACT

This article demonstrates the current status of training and research in the field of social science and humanities, based on statistics, and has come to the following conclusions and solutions. The current situation when it comes to the quality in teaching of social science and humanities for history subjects at schools has been decreased. At university, it has been found that there are only a few students majoring in Vietnamese studies or trained in the wrong major codes. In terms of scientific research, there are just a few studies that have been published in the most prestigious and high-ranking journals. In addition, the range of high-rate indexes are low. There has not been any qualified researcher which can be viewed as an international expert yet. The decline in the quality of teaching, and the degradation of social scientific and humanitarian research have led to the serious lack of knowledge for younger generations who are trained in schools regarding to social science and humanities. Consequently, it might limit the promotion of Vietnamese culture to the world. Governments and local authorities should have novel policies to “revitalize the teaching” of History and “socialize” the subject of Literature in high schools; thereby encouraging the improvement in the quality of training and research in the social sciences and humanities.

* Tác giả liên hệ: PGS.TS. Nguyễn Văn Kha; Email: khanv@hiu.vn

(Ngày nhận bài: 10/10/2022; Ngày nhận lại bản sửa: 17/10/2022; Ngày duyệt đăng: 1/11/2022)

Keywords: *humanities and social sciences, revival, socialization*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực trạng đào tạo nguồn nhân lực KHXH - NV ở nước ta hiện nay qua kiểm tra đánh giá các môn học ngành KHXH - NV ở trường phổ thông rất đáng lo ngại, hoạt động nghiên cứu các ngành KHXH - NV chưa đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế.

Bài viết dưới đây nêu lên thực trạng đào tạo và nghiên cứu KHXH - NV trong phạm vi các môn học như Lịch sử, Ngữ Văn (sau đây gọi là môn Sử, môn Văn) đáp ứng nhu cầu của địa phương Nam Bộ và hội nhập quốc tế.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng đào tạo KHXH-NV ở nước ta hiện nay qua kiểm tra - đánh giá các môn học ngành KHXH - NV ở trường phổ thông

Kết quả các kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông (TNTHPT), Tuyển sinh đại học (TSDH) và thi Trung học phổ thông Quốc gia (THPTQG) mấy năm gần đây đã bộc lộ tình trạng sa sút về chất lượng môn Sử trong nhà trường phổ thông (Xem bảng 1).

Bảng 1. Thống kê kết quả thi môn Sử trong các kỳ thi TNTHPT, TSDH, THPTQG

(Dẫn số liệu một số kỳ thi từ năm 2007– 2019 trong toàn quốc và một số địa phương)

TT	Năm học	Nơi đánh giá	Kết quả đánh giá	Nguồn
1	2007	Toàn quốc (Thi tốt nghiệp THPT)	Điểm số trung bình môn Sử 2,09/10 (Lý: 5,19, Hóa: 4,49, Văn: 4,41, Toán: 3,65, Ngoại ngữ: 3,64)	Báo Vietnamnet, ngày 25/3/2008 [1]
2	2011	Đại học Đà Lạt (TSDH)	1.564 thí sinh dự thi, 98% điểm dưới trung bình; chỉ có 34 thí sinh đạt 5 điểm trở lên	Tuotire online, thứ 3, 26/7/2011[2]
3	2018	Thành phố Hồ Chí Minh (Thi THPTQG)	Thi trắc nghiệm.28.000 thí sinh dự thi, gần 81% thí sinh điểm dưới 5;19,1% thí sinh từ 5 điểm trở lên	Báo Giaoduc online, ngày 13/7/2018 [3]
		Đồng Nai (Thi THPTQG)	28.833 thí sinh dự thi. Tỷ lệ bài thi từ 5 điểm trở lên chỉ đạt 12,76%; 88,24% điểm dưới trung bình	
	2019	Toàn quốc (Thi THPTQG)	569.905 thí sinh dự thi, 399.016/569.905 bài thi điểm dưới trung bình (tỷ lệ tới 70,01%). “Đây là môn thi có kết quả thấp nhất trong bài thi tổ hợp khoa học xã hội nói riêng và so với tất cả các môn thi trong kỳ thi THPT quốc gia năm nay nói chung”.	Báo Giaoduc online, ngày 21/7/2019 [4]

Với kết quả thi môn Sử vào trường đại học và các kỳ thi THPTQG như trên, tình trạng dạy và học môn Sử sa sút dẫn đến vấn đề nổi cộm với chuyện: môn Sử là môn tự chọn hay bắt buộc ở cấp học THPT hiện nay.

Môn Văn cũng ở trong tình trạng trên. Kết quả nghiên cứu của nhóm nghiên cứu thuộc Trung tâm nghiên cứu Văn hóa, Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ (nay là Viện Khoa học xã hội (KHXH) vùng Nam Bộ - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam), thăm dò bằng bảng hỏi với 828 người tại 4 địa phương (Bến Tre, An Giang, Kiên Giang và TP Cần Thơ) ở tiểu vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) cho thấy: trong số 58 học sinh trung học cơ sở (THCS) và 106 học sinh THPT được khảo sát, chỉ có 13 học sinh THCS (22,4%) và 31 học sinh THPT (29,2%) đọc thêm các tác phẩm văn học. Số học sinh có đọc thêm tác phẩm văn học nhưng đọc rất ít chiếm tỉ lệ 36,2 % (THCS) và 47, 2% (THPT) và 6,9% học sinh THCS không quan tâm đến tác phẩm ngoài chương trình. Số liệu thống kê cho thấy học sinh ĐBSCL ít đọc sách văn học.

Ít đọc sách văn học không phải các em không có thì giờ. Số em cho biết, muốn đọc nhưng không có thì giờ chỉ chiếm 7,5 đến 10,3%. Nguyên nhân chính yếu nhất là học sinh không thích học Văn. Ý kiến của giáo viên dạy Văn ở trường THCS, THPT ở các địa phương khu vực ĐBSCL, TP. Hồ Chí Minh cũng có nhận xét tương tự. Theo ý kiến của một giáo viên dạy Văn ở Trường THCS xã Cẩm Sơn (huyện Mỹ Cày, tỉnh Bến Tre), học sinh ở địa phương không thích học Văn. Thời gian rỗi, học sinh thường vào mạng Internet. Bố mẹ học sinh cũng không thích cho con học Văn. Trả lời câu hỏi “Thường thức Văn học giúp thu hoạch gì?”, chỉ có 52/827 người (6.3%) cho rằng thường thức Văn học là để yêu và học tốt môn Văn. (Xem bảng 2)

Bảng 2. Thường thức văn học giúp thu hoạch gì

Nội dung		Giới tính				Tổng	
		Nam		Nữ		n	%
		n	%	n	%		
Thường thức văn học có thu hoạch gì	Có hiểu biết rộng hơn	285	69.2%	293	70.6%	578	69.9%
	Tình cảm tâm hồn phong phú hơn	141	34.2%	160	38.6%	301	36.4%
	Thêm yêu cuộc sống con người	126	30.6%	124	29.9%	250	30.2%
	Yêu môn văn và học tốt	17	4.1%	35	8.4%	52	6.3%
	Khả năng diễn đạt và viết tốt hơn	71	17.2%	74	17.8%	145	17.5%
	Giải trí thư giãn	246	59.7%	240	57.8%	486	58.8%
	Thu hoạch khác	1	2%	3	7%	4	5%
	Không có thu hoạch gì rõ rệt	23	5.6%	20	4.8%	43	5.2%
	Tổng	412	221%	415	229%	827	224.8%

Nguồn: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “Hiện trạng đời sống văn học đồng bằng sông Cửu Long”, Trung tâm nghiên cứu Văn hóa, Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ [5]

Hệ quả là kết quả học tập của học sinh ĐBSCL về môn Văn thấp. Kết quả thi tốt nghiệp năm học 2008-2009 ở một số trường ở khu vực ĐBSCL như Đồng Tháp, An Giang đã phản ánh trung

thực tình trạng học Văn của học sinh khu vực này. Việc chán học Văn, thậm chí coi thường môn Văn trong nhà trường hiện nay đã dẫn đến hậu quả là có người đã tốt nghiệp đại học mà viết còn sai chính tả, sai ngữ pháp.

2.2. Tình hình nghiên cứu KHXH - NV ở Việt Nam

Sau mốc Đổi mới (1986) khoảng 5 - 7 năm, trên một số tờ báo trong nước đã xuất hiện những bài viết báo động về chảy máu chất xám do những tài liệu quý hiếm về khoa học xã hội của Việt Nam được bán ra nước ngoài. Lúc đó, có người đã tiên đoán, thực tế này rồi sẽ diễn ra tình trạng tụt hậu của khoa học xã hội, người Việt Nam muốn tìm hiểu về Việt Nam phải nhờ đến các nhà nghiên cứu nước ngoài.

Tại Hội thảo Quốc tế Việt Nam học lần thứ 3 (tháng 12/2008), đáng chú ý là ý kiến của nhà Việt Nam học người Nga, TS Kolotov. Ông băn khoăn vì sự thờ ơ của người Việt Nam với chính hình ảnh của mình trên thế giới. Tình trạng trên đã diễn ra ở các trường đại học của Việt Nam. Cụ thể, ngành Việt Nam học thừa vắng người học. Thậm chí có trường đại học mở ngành Việt Nam học được vài năm rồi ngưng đào tạo, hoặc xin đổi tên thành Đông phương học để có sinh viên vào học, lấy “con bèo kéo con gậy”.

Theo ông Phạm Quang Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội, “...trong 5 năm trở lại đây, trung bình một năm cán bộ của Trường Đại học KHXH-NV công bố được khoảng 50 công trình quốc tế. Con số này bao gồm nhiều thể loại từ bài nghiên cứu trên các tạp chí khoa học, đến các chương sách, sách, các bài giới thiệu sách và bằng nhiều thứ tiếng nhưng trong đó chủ yếu là tiếng Anh. Tuy nhiên, điều đáng nói là trong số 50 công trình này chỉ có khoảng 5 - 6 bài nghiên cứu (10%) được đăng trên các tạp chí thuộc danh mục *ISI*, *Scopus*, là những tạp chí có uy tín khoa học và chỉ số ảnh hưởng cao” [6]. GS Lê Huy Bắc, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã khảo sát 13 trường/viện và thống kê chi tiết các công trình công bố quốc tế ngành Ngữ văn, cho biết ngành Ngữ Văn một số trường đại học công lập, nguồn vốn đầu tư của Nhà nước rất mạnh, nhưng cho đến nay không có bài đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín, “chưa có một nhà nghiên cứu hay sáng tác văn học nào có tầm cỡ quốc tế” [7]

Sự sa sút của việc dạy và học các môn KHXH - NV trong nhà trường, việc tụt hậu trong nghiên cứu của ngành KHXH - NV đã dẫn đến sự khiêm khuyết về tri thức khoa học nhân văn của thế hệ trẻ được đào tạo trong nhà trường, hạn chế việc quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam trên thế giới. Từ những năm 50 của thế kỷ trước, nhà văn Nguyễn Huy Tưởng đã viết: “Người không hiểu biết về Lịch sử giống như con trâu, cày ruộng nhà ai cũng được”.

Coi thường môn học KHXH - NV trong nhà trường dẫn đến coi thường các chuẩn mực giá trị văn hóa, xa rời bản sắc văn hóa dân tộc. Trong nhà trường, phụ huynh coi thường giáo viên, học sinh không tin thầy cô; bạo lực gia đình, xã hội khủng hoảng các giá trị tinh thần, suy thoái về đạo đức, nhân cách,...

2.3. Ý kiến trao đổi, đề xuất giải pháp từ thực trạng đào tạo, nghiên cứu KHXH – NV

Tôi là người nhiều năm dạy văn học nước ngoài, mang nhiệt huyết phổ biến văn học, văn hóa Việt Nam và nước ngoài cho sinh viên Việt Nam. Điều tôi băn khoăn, day dứt là tại sao học sinh, sinh viên không thích học các môn KHXH - NV, trong đó có môn Lịch sử Việt Nam, văn học Việt Nam? Phải chăng việc dạy Sử, dạy Văn nói riêng và nền giáo dục quốc gia chưa chú trọng phát triển bền vững các giá trị nhân bản và nhân văn, nền tảng của giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của người học nên người học thiếu niềm tin vào điều người thầy dạy? Phải chăng cách dạy của giáo viên về các môn KHXH - NV không sinh động và hấp dẫn? Phải chăng thời đại ngày nay là thời đại kỹ trị, người học chỉ thích học các ngành kỹ thuật, công nghệ? v.v và v.v Thực

trạng đào tạo và nghiên cứu KHXX- NV như đã nói, liệu người Việt Nam có đủ niềm tin, sức mạnh để đối phó, chống chọi với xu thế toàn cầu hóa hiện nay?

Chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc không thể là khẩu hiệu mà phải là thực tiễn mà thực tế dạy học môn Sử, môn Văn, học Việt Nam học thực trạng như hiện nay là điều hết sức lo ngại.

2.3.1. *Cần “chấn hưng giảng dạy” môn Lịch sử, “xã hội hóa” môn Ngữ Văn trong nhà trường phổ thông*

Với những hậu quả nghiêm trọng như trên, trong nhà trường hiện nay, nhiều nhà nghiên cứu, nhà giáo trong ngành Sử, ngành Văn đã lên tiếng báo động về tình trạng này. GS. Phan Huy Lê đã từng nói: “Học sinh không thích môn Sử là thực trạng phổ biến nhiều năm nay và có thể kéo dài trong cả thời gian tới. Không phải môn Sử không đủ hấp dẫn. Tôi cho rằng với cách dạy, với chương trình và sách giáo khoa hiện nay thì học sinh chán Sử là tất yếu. Chương trình nặng kiến thức, sách giáo khoa dày đặc sự kiện, vừa thừa vừa thiếu, phương pháp dạy truyền thụ một chiều, thiếu sinh động, đòi hỏi học thuộc. Tuổi trẻ đầy năng động, đầy sức sống, rõ ràng các em không chấp nhận được. Nếu tôi là học sinh, tôi cũng chán”[8].

Môn Ngữ Văn, môn học vốn gắn với truyền thống trọng văn chương của dân tộc Việt Nam chưa có giải pháp hữu hiệu để lấy lại sinh khí cho môn học, mang lại hứng thú cho người học. Một tình trạng đáng buồn là việc dạy Văn, học Văn hiện nay trong nhà trường chỉ một mình giáo viên Ngữ Văn chèo chống, không có sự phối hợp với các bộ môn khác, lại càng không tìm được sự ủng hộ của bên ngoài xã hội. Lạ thật! Trong khi ai cũng nhận thấy là môn Văn đâu không thể làm cho người ta kiếm nhiều tiền, nhưng ai cũng thấy “Văn” (trong nghĩa rộng) được ứng dụng rất phổ biến. Dẫu xã hội hiện đại mọi thủ tục văn bản đã được đơn giản hóa, có các biểu mẫu làm sẵn nhưng ai cũng thấy rằng để thăng tiến trong xã hội, không thể “mù tịt” về “Văn”. Từ yêu cầu thực tế đơn giản nhất là soạn thảo một văn bản cũng cần sự sáng sủa, rõ ràng về văn vẻ, đến kiến thức khoa học kỹ thuật cũng cần sự diễn đạt của câu chữ, của “Văn”. Và hiểu như thế thì “Văn” đâu phải không cần thiết cho con người trong hoàn cảnh kinh tế thị trường? [9]

Trong tình hình này, để tìm giải pháp cho sự bế tắc của việc dạy và học Sử, môn Sử ở trường phổ thông cần được “chấn hưng”.

Thay đổi về phương pháp dạy Lịch sử là điều tiên quyết. Tôi không phải là giáo viên (GV) dạy môn Lịch sử nhưng trong chương trình giảng dạy văn học nước ngoài (văn học Nga), sự trình bày sáng tác của các nhà văn không tách rời việc giảng dạy Lịch sử liên quan đến các sự kiện xã hội, chính trị, kinh tế, văn hóa,... Nghĩa là GV phải phác họa được không khí lịch sử, xã hội trong đó nhà văn và nhân dân (độc giả) của ông ta sống, lao động, đấu tranh để sinh tồn và phát triển, để từ đó dẫn dắt học sinh (HS) theo định hướng của bài giảng về lịch sử mà mục tiêu bài học đã đề ra. Tôi nghiệm thấy, những bài giảng thu hút HS phần Văn học sử chính là nhờ mình khơi dậy không khí lịch sử của giai đoạn văn học mà nhà văn và độc giả sống trong không khí xã hội, lịch sử đó. Nhưng muốn làm được như vậy mất công lắm. Ví dụ, dạy về nhà thơ A.Puskin, không thể không nói đến chiến tranh vệ quốc năm 1812 của dân tộc Nga. Nhưng để hiểu cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại này thì không thể không tìm hiểu tiểu sử Napoléon Bonaparte, thiên tài quân sự, người chỉ huy cuộc chinh phạt châu Âu, Ai Cập,... Trong số tài liệu để tham khảo về Napoleon, cuốn sách viết về Napoleon của E.Tacle rất đáng tham khảo. Khi dạy, GV kể về cuộc chinh phạt của ông ta thôi cho HS nghe đã thích rồi. Nói về cuộc chiến chống xâm lược Pháp của người Nga do tướng Kutuzov chỉ huy, chiến thắng được vị tướng lĩnh tài ba này HS rất thích. Nếu người dạy cho HS xem phim về trận chiến lịch sử Borodino thì lại càng hấp dẫn.

Lấy ví dụ cách dạy như trên để thấy, GV cần sử dụng tri thức tham khảo, không “rập khuôn” “sách giáo khoa dày đặc sự kiện, vừa thừa vừa thiếu”, khắc phục “phương pháp dạy truyền thụ thiếu sinh động, đòi hỏi học thuộc” (Phan Huy Lê)

Thứ hai, để giáo viên làm được như vậy, SGK cần cung cấp nguồn tài liệu tham khảo phong phú và đa dạng để GV và HS đọc và tham khảo. Học Sĩ mà thiếu nguồn tài liệu, không đọc thêm, tham khảo thêm thì chán là phải.

2.3.2. Trao đổi về kỳ thi Trung học phổ thông Quốc gia (THPTQG) “hai trong một” do Bộ Giáo dục và Đào tạo đang tiến hành hiện nay.

Trên thực tế, kỳ thi này không thể đạt kết quả như mong muốn, nhất là việc chọn người tài để đào tạo, giúp họ phát huy sở trường của mình trong tương lai. Lý do là vì:

Thứ nhất, do các địa phương trong cả nước đang thực hiện phổ cập chương trình phổ thông (ở 3 bậc: tiểu học, THCS và THPT), cho nên cách tổ chức thi tốt nghiệp THPT như Bộ Giáo dục và Đào tạo đã làm trong mấy năm nay chỉ là hình thức, vì địa phương nào cũng muốn mình có tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp cao để hoàn thành chỉ tiêu phổ cập. Việc chạy theo thành tích không thể tránh được tiêu cực (bằng cách này hay cách khác). Xuất phát từ tình hình thực tế như trên, thay vì thi tốt nghiệp, nên cấp chúng chỉ đã học hết chương trình phổ thông từ kết quả của 3 năm học ở bậc THPT cho HS.

Thứ hai, việc tuyển sinh vào đại học hiện nay theo cách lấy kết quả từ kỳ thi THPTQG chỉ giải quyết được vấn đề cạnh tranh: ai điểm cao, người ấy có quyền lựa chọn trường nhưng lại tạo ra “lỗ hổng” về sự lựa chọn nghề nghiệp (trong đó có ngành KHXH - NV). Những người làm công tác tuyển sinh đều thấy rằng, khi tư vấn cho học sinh (HS) chọn ngành nghề bao giờ cũng dặn dò HS rằng phải chọn ngành mình thích, phù hợp với khả năng của người học. Gia đình, người thân cũng tìm hiểu năng lực của con em mình để đầu tư, khuyến khích các em học tập với sự định hướng nghề nghiệp trong tương lai,... Nhưng kết quả thi lại làm phức tạp, nếu không nói là làm đảo lộn sự lựa chọn của HS. Mấy năm qua, việc tuyển sinh đại học lấy kết quả từ kỳ thi THPTQG đã gây bức xúc trong xã hội. Thực tế, đã có rất nhiều sinh viên khi vào học ngành mình đăng ký mới biết mình đã lựa chọn nhầm nghề và lại thi lại - làm lại từ đầu, hoặc tiếp tục theo đuổi cũng rất khổ sở vì học không đúng ngành mà học sinh ưa thích.

Như vậy chỉ còn cách là tổ chức một kỳ thi tuyển vào đại học (hoặc các trường đào tạo nghề khác). Nếu làm được như vậy, giáo viên chấm bài thi mới chấm thật trung thực phản ánh đúng chất lượng bài làm của HS. Và do vậy, kỳ thi này cũng phản ánh chất lượng đào tạo ở trường phổ thông. Kết quả từ kỳ thi này sẽ phân loại thí sinh (giỏi, khá, trung bình, yếu, kém). Các trường đại học cũng theo đó có căn cứ khách quan và trung thực để xét tuyển.

Nếu không quan niệm “hai trong một” như vậy thì việc tổ chức thi cụm và chấm chéo như đã làm chỉ là những bày vẽ về hình thức, gây phiền hà và tốn kém, không có hiệu quả thực tế.

2.3.3. Sự liên kết giữa trường đại học địa phương và các cơ quan sử dụng nguồn nhân lực tại địa phương Nam Bộ

Trường đại học ở địa phương là môi trường đào tạo những trí thức trẻ, “là một “cánh cửa” mở cho những người trẻ tuổi đầy nhiệt huyết” [5], cung cấp nguồn lao động có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển về mọi mặt của địa phương. Rõ ràng, trong khó khăn, mò mẫm, địa phương đã tìm được hướng đi đúng. Nói đến đây, tôi thấy tiếc cho lãnh đạo một số địa phương. Trường đại học, trung tâm văn hóa, khoa học đóng ngay trên địa bàn của mình nhưng địa phương lại không muốn kết hợp với đội ngũ cán bộ khoa học của trường để hướng chất xám của họ vào việc phát triển kinh tế, văn hóa, v.v. của địa phương. Thành ra, trên địa bàn địa phương có trường đại học, nhưng ngành

văn hóa, giáo dục của tỉnh lại đi đến địa phương khác để liên kết đào tạo hoặc không khuyến khích, trong khi chất xám của địa phương đang được đào luyện tại trung tâm là trường đại học đóng ngay trên địa bàn, thì địa phương lại không biết sử dụng và khai thác.

2. 3.4. Tầm nhìn của lãnh đạo

Bên cạnh sự kết hợp đào tạo và sử dụng đội ngũ trí thức ở trường đại học của địa phương, các tỉnh thuộc địa phương Nam Bộ nên có tầm nhìn xa trông rộng đối với việc đào tạo và sử dụng đội ngũ giàu tiềm năng này. Đã là trí thức, họ rất cần không khí và môi trường để làm việc. Nếu chỉ đòi hỏi ở họ sự nỗ lực, cống hiến mà không tạo cho họ một “lộ trình” thì không phát huy hết trí tuệ và tài năng của họ. Tôi dùng chữ “lộ trình” vì hiện nay còn có địa phương, đường đi của trí thức, tức hành trình sáng tạo của họ đang bị những biện pháp hành chính, máy móc cản trở. Tôi nghĩ, làm như vậy là không nên. Trí thức, người sáng tạo rất cần tự do để sáng tạo. Hành trình sáng tạo của người trí thức đầy thử thách mà thử thách lớn nhất đó là sự kiểm nghiệm của thực tiễn. Một luận án tiến sĩ, một công trình khoa học cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước, v.v. được Hội đồng khoa học nghiệm thu đánh giá là xuất sắc, nhưng khi hoàn thành chỉ nằm ở giá sách kho lưu trữ của thư viện thì thật lãng phí. Một công trình khoa học, một công trình văn hóa, một tác phẩm văn học, một sáng kiến cải cách giáo dục,... phải tác động trực tiếp, phải đến được với công chúng, và chính thời gian và công chúng là người đánh giá, thẩm định công bằng nhất. Trong quá trình thử thách đó của công trình văn hóa, khoa học, của tác phẩm nghệ thuật, rất cần có cái “Tâm” và cái “Tâm” của người “đứng mũi chịu sào” là nhà quản lý, lãnh đạo.

Rõ ràng việc đào tạo và sử dụng đội ngũ trí thức trẻ trong đó có đội ngũ nghiên cứu và giảng dạy KHXH-NV cần có tầm nhìn của lãnh đạo địa phương. Thực hiện được điều này, một mặt là chính sách về công bằng xã hội trong giáo dục, mặt khác là đáp ứng mong muốn của các tầng lớp nhân dân địa phương, đáp ứng sự đòi hỏi của con em tỉnh nhà hướng về tương lai quê hương giàu đẹp.

3. KẾT LUẬN

Đã qua rồi cái thời chúng ta sống với cơ chế bao cấp “xin cho”, ngồi chờ ai đó ban phát hay giúp đỡ để có phương tiện, điều kiện sống tốt hơn. Trong hoàn cảnh mới của đất nước, để hội nhập với thế giới, nguồn nhân lực KHXH - NV không thể nhập khẩu. Sự khiêm khuyết về tri thức KHXH - NV là một thiếu hụt không bù đắp nổi, vừa làm yếu đi nguồn nhân lực của đất nước trong thực tế đào tạo nguồn nhân lực của nước ta hiện nay, vừa hạn chế sức cạnh tranh quốc gia trong xu thế phát triển của ngành công nghiệp văn hóa, toàn cầu hóa hiện nay.

Chất lượng của thể chế chính trị được thể hiện qua chất lượng giáo dục. Đất nước trên đường đổi mới và phát triển, sự cân đối giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần phải được coi là một “tỷ lệ vàng”. Mỗi địa phương và cả nước phải tìm về nội lực của mình, học hỏi ở người để tạo ra môi trường sống nhân văn cho mỗi cá nhân và cộng đồng. Nhà nước và chính quyền địa phương cần có chính sách mang tính đột phá để khuyến khích việc nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu KHXH - NV.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Báo Vietnamnet. Điểm trung bình thi ĐH môn Lịch sử chỉ đạt 2,09. Ngày 25/3/2008. Nguồn: <http://vnn.vietnamnet.vn/giaoduc/2008/03/775158/>. Truy cập ngày 20/6/2022.
- [2] Báo Tuổi trẻ online. Điểm thi môn sử thấp không ngờ. Ngày 26/07/2011. Nguồn: <https://tuoitre.vn/diem-thi-mon-su-thap-khong-ngu-448241.htm#:~:text=Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng%20%C4%90H%20%C4%90%C3%A0%20L%E1%BA%A1t%20c%C3%B3,c%C3%B3%20%C4%91i%E1%BB%83m%20thi%20d%C6%B0%E1%BB%9Bi%201>. Truy cập ngày 30/6/2022.

- [3] Báo Giáo dục Online. Bao giờ hết “nỗi buồn môn Sử”. Ngày 13/07/2018. Nguồn: <https://giaoduc.net.vn/bao-gio-het-noi-buon-mon-su-post187871.gd>. Truy cập ngày 25/6/2022.
- [4] Báo Giáo dục Online. Thôi rồi, Sử ơi. Ngày 21/7/2019. Nguồn: <https://giaoduc.net.vn/thoi-roi-su-oi!-post200535.gd>. Truy cập ngày 21/6/2022.
- [5] Trung tâm nghiên cứu Văn hóa - Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “Hiện trạng đời sống văn học đồng bằng sông Cửu Long”. 2009.
- [6] Phạm Quang Minh, Công bố quốc tế trong khoa học xã hội không đến mức khó như người ta nghĩ, Vietnamnet, ngày 19/04/2017. Nguồn: <https://vietnamnet.vn/cong-bo-quoc-te-trong-khoa-hoc-xa-hoi-khong-den-muc-kho-nhu-nguoi-ta-nghi-367505.html>. Truy cập ngày 20/6/2022.
- [7] Lê Huy Bắc (2021), Nghiên cứu ngữ văn và công bố quốc tế, Tạp chí Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục, Tập 11, số 2 (2021), 20-26.
- [8] Phan Huy Lê: Học sinh chán môn Sử là tất yếu!. Nguồn: <http://sokhcn.vinhphuc.gov.vn>. Truy cập: 12 tháng 10 năm 2021.
- [9] Nguyễn Văn Kha (2009), Cần xã hội hóa môn văn trong nhà trường hiện nay, in trong sách: Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật TP.Hồ Chí Minh, Hội Nghiên cứu và giảng dạy văn học TP.Hồ Chí Minh, Đổi mới dạy văn và học văn, Nhà xuất bản Văn hóa Sài Gòn.